

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	02-03
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	04-11
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	12
Báo cáo kiểm toán độc lập	13-14
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	15-54
Báo cáo thu nhập	15
Báo cáo tình hình tài chính	16-17
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ	18
Báo cáo danh mục đầu tư	19-20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	21-22
Thuyết minh báo cáo tài chính	23-54

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB ("Quỹ") trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (trước đây là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital) thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 11/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 02 năm 2018 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 32/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 03 năm 2018. Ngày 17 tháng 8 năm 2020, Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận số 07/GCN-UBCK về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng, chuyển đổi Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital thành Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK cấp ngày 30 tháng 09 năm 2024.

BAN ĐẠI DIỆN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Cẩm Chi	Chủ tịch
Bà: Lưu Thị Thúy	Thành viên
Bà: Trần Thu Lan	Thành viên

Các thành viên của Ban điều hành Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Bạch Thế Phong	Giám đốc Đầu tư (Bổ nhiệm ngày 26/06/2025)
Bà: Bùi Thị Trang Nhung	Giám đốc Đầu tư (Bổ nhiệm ngày 25/04/2025)
Ông: Giang Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/06/2025)
Ông: Hà Anh Tùng	Giám đốc Đầu tư (Miễn nhiệm ngày 25/04/2025)

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát ngày 04 tháng 01 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Quỹ tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 về việc sửa đổi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Nguyễn Cẩm Chi

Chủ tịch Ban đại diện

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 . THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

1.1 . Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (“Quỹ”) là hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại trái phiếu, các công cụ có thu nhập cố định được phát hành tại Việt Nam.

1.2 . Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ tăng 14,20% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại đầu kỳ báo cáo; NAV trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) của Quỹ tăng 7,13% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

1.3 . Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư

- Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng các công cụ nợ bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại tài sản như sau: Các loại trái phiếu chính phủ; trái phiếu được chính phủ bảo lãnh thanh toán; trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết theo quy định của pháp luật; chứng chỉ tiền gửi; hợp đồng tiền gửi và các công cụ thị trường tiền tệ khác;
- Để đạt được mục tiêu đề ra, Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống “Top-Down Approach”, trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi, cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên “Bottom Up Approach” trong việc lựa chọn từng trái phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá phân tích tổ chức phát hành, và diễn biến của trái phiếu trước tác động của khuynh hướng thị trường;
- Công ty Quản lý Quỹ sẽ đánh giá những chuyển động của thị trường trái phiếu để phân bổ tỷ trọng trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, các công cụ nợ khác và tiền mặt ở một tỷ lệ thích hợp, vừa đảm bảo khả năng sinh lời, vừa đảm bảo khả năng thanh khoản của Quỹ;
- Quỹ sẽ linh hoạt phân bổ tài sản tùy theo điều kiện thị trường và tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có. Định hướng quỹ sẽ đầu tư 100% tài sản của quỹ vào tài sản có thu nhập cố định và không đầu tư cổ phiếu, tuy nhiên có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt quá 20% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư

Bên cạnh trái phiếu chính phủ, tiền gửi, và các công cụ tiền tệ khác, Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào các công cụ nợ do các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong các ngành nghề sau đây (nhưng không giới hạn ở những ngành nghề này):

- Tài chính - ngân hàng;
- Viễn thông;
- Dịch vụ và hàng tiêu dùng;
- Y tế và giáo dục;
- Bất động sản, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng;
- Các ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với chiến lược đầu tư tại từng thời điểm theo quyết định hợp lý của Công ty Quản lý Quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Các loại tài sản được phép đầu tư

Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm:

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - + Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - + Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ. Trường hợp Quỹ đầu tư vào vào các tài sản này, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

1.4 . Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở.

1.5 . Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Nhà đầu tư vào Quỹ có thể dễ dàng bán lại chứng chỉ quỹ cho Quỹ vào các ngày giao dịch định kỳ. Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ trong thời gian ngắn sẽ chịu mức phí mua lại được quy định trong Bản cáo bạch của Quỹ. Vì vậy, tùy thuộc vào thị trường, nhu cầu của nhà đầu tư mà nhà đầu tư có thể tự quyết định thời gian đầu tư vào Quỹ.

1.6 . Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ đầu tư Trái phiếu MB (trước đây là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital) được thành lập ngày 26 tháng 3 năm 2018 theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 32/GCN-UBCK; Giấy chứng nhận điều chỉnh số 07/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 17 tháng 08 năm 2020.

Quỹ đầu tư trái phiếu MB là quỹ công chúng dạng mở được Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.7 . Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 170.687.393.400 VND, tương đương với 17.068.739,34 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ là 278.167.561.081 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

1.8 . Chỉ số tham chiếu

Không áp dụng.

1.9 . Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.

Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ VND. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ VND;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;
- Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

1.10 . Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

2 . SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**2.1 . Cơ cấu tài sản của Quỹ**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>	<u>31/12/2023</u>
	<u>%</u>	<u>%</u>	<u>%</u>
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	7,60%	10,07%	7,99%
2. Danh mục chứng khoán	72,23%	75,11%	84,47%
3. Tài sản khác	20,17%	14,82%	7,54%
	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB**

Tầng 12, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

2.2 . Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	<u>ĐVT</u>	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	278.167.561.081	243.572.096.406	216.407.312.352
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	CCQ	17.068.739,34	16.012.246,84	15.397.882,25
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ	VND	16.297	15.212	14.054
Giá trị tài sản ròng cao nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ	VND	16.299	15.212	14.054
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ	VND	15.215	14.058	12.664
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	%	7,13%	8,24%	11,01%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	%	-0,10%	0,08%	-0,15%
- Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	%	7,23%	8,16%	11,16%
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ	%	1,51%	1,56%	1,59%
Tốc độ vòng quay danh mục	%	24,47%	30,25%	421,55%

2.3 . Tăng trưởng qua các thời kỳ

<u>Giai đoạn</u>	<u>Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ</u>	<u>Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm</u>
	<u>%</u>	<u>%</u>
1 năm đến thời điểm báo cáo	7,13%	7,13%
3 năm đến thời điểm báo cáo	28,73%	8,78%
Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo	62,97%	6,49%

2.4 . Tăng trưởng hàng kỳ

<u>Thời kỳ</u>	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	7,13%	8,24%	11,01%	1,11%

3 . MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

3.1 Tình hình kinh tế vĩ mô

Kinh tế năm 2025 tăng trưởng 8,02%, cao thứ hai trong giai đoạn 2011-2025 nhờ động lực chính từ dịch vụ và sản xuất công nghiệp.

Chỉ số PMI tháng 12 năm 2025 đạt 53 điểm giảm so với 53,8 điểm của tháng 11 năm 2025 (Sản lượng tiếp tục tăng, nhưng tình trạng khan hiếm nguồn cung đẩy mức tăng chi phí lên mức cao nhất trong ba năm rưỡi).

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước tháng 12 năm 2025 tăng 0,19% so với tháng trước, và tăng 3,31% so với cùng kì năm trước.

Tính chung năm 2025, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 475,04 tỷ USD, tăng 17,0% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 455,01 tỷ USD, tăng 19,4% so với cùng kỳ; cán cân thương mại xuất siêu ở mức 20,03 tỷ USD.

Đến hết tháng 12 năm 2025, tỷ giá trung tâm USD/VND ở mức 25.121 đồng, tăng ~3,32% so với đầu năm.

3.2 Tình hình thị trường trái phiếu

Tổng giá trị Trái phiếu Chính Phủ phát hành thông qua đấu thầu trong 12 tháng đầu năm 2025 là 378.550 tỷ đồng, tương đương hơn 75,7% kế hoạch cả năm (500.000 tỷ đồng). Trái phiếu phát hành trong tháng có các kỳ hạn 5, 10 và 30, trong đó tập trung chủ yếu vào kỳ hạn 10 năm (95,6%) tương ứng khối lượng 61,7 nghìn tỷ đồng.

Lợi suất Trái phiếu Chính Phủ Việt Nam có xu hướng tăng ở hầu hết các kỳ hạn.

Theo dữ liệu tổng hợp từ HNX và SSC, trong tháng 12, thị trường có 90 lô trái phiếu doanh nghiệp. Tổng khối lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành đạt gần 92.345 tỷ đồng, tăng so với tháng trước.

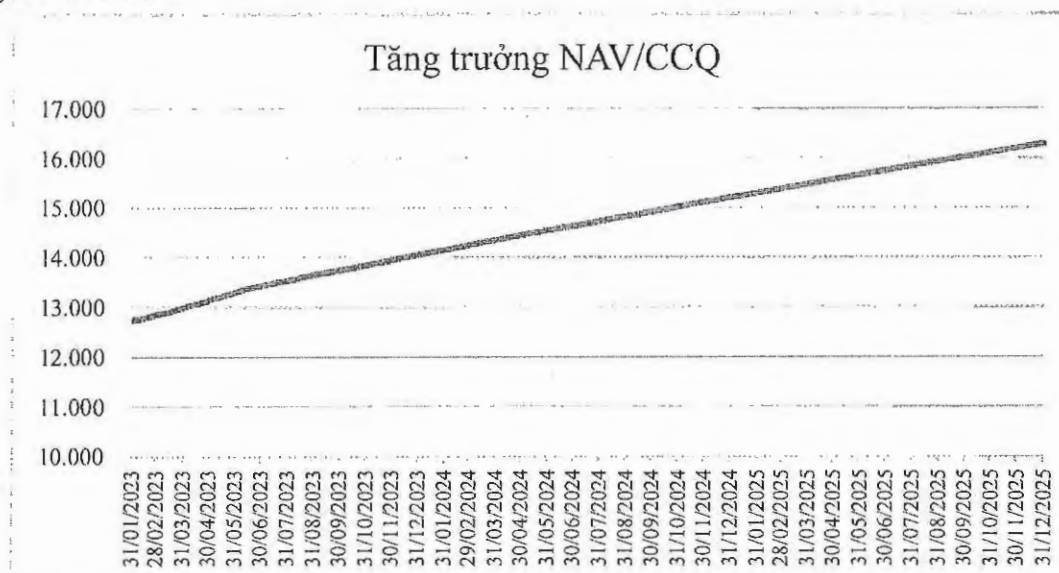
Các ngân hàng và bất động sản tiếp tục là lực đẩy chính của thị trường khi đã phát hành lần lượt đạt gần 58.687 và 19.958 tỷ đồng trái phiếu trong tháng 12, chiếm tới 85% tổng lượng phát hành toàn thị trường.

4 . SỐ LIỆU CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 . Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo	3 năm đến thời điểm báo cáo	Từ thời điểm thành lập đến thời điểm báo cáo
	%	%	%
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	7,23%	28,94%	44,93%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	-0,10%	-0,21%	18,04%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	7,13%	28,73%	62,97%
Tăng trưởng hàng năm (%) /1 đơn vị CCQ	7,13%	8,78%	6,49%

Biểu đồ tăng trưởng giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị Chứng chỉ quỹ hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất như sau:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	31/12/2025	31/12/2024	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	278.167.561.081	243.572.096.406	14,20%
Giá trị tài sản ròng/ 1 đơn vị CCQ	16.297	15.212	7,13%

4.2 . Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị CCQ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	9.456	2.427.372,57	14,22%
Từ 5.000 đến 10.000	256	1.874.032,37	10,98%
Từ trên 10.000 đến 50.000	89	1.664.675,60	9,75%
Từ trên 50.000 đến 500.000	19	1.785.727,38	10,46%
Trên 500.000	2	9.316.931,42	54,58%
	9.822	17.068.739,34	100%

5 . THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi kỳ vọng, mục tiêu tăng trưởng GDP cao cùng mục tiêu ổn định các chỉ tiêu vĩ mô khác sẽ tạo điều kiện cho các hoạt động đầu tư và nhu cầu huy động vốn dài hạn. Bên cạnh đó, mức tín dụng ngân hàng trong tổng nguồn vốn trong nền kinh tế đã quá cao, phát đi mức cảnh báo tới Ngân hàng Nhà nước. Chúng tôi kỳ vọng, các kênh huy động vốn khác như trái phiếu sẽ được các cơ quan chức năng thúc đẩy để các kênh này hoạt động tích cực hơn, thay thế một phần cho tín dụng ngân hàng. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp năm 2026 sẽ sôi động hơn, nhiều trái phiếu đại chúng sẽ được phát hành hơn. Trái phiếu ngân hàng vẫn sẽ chiếm phần lớn lượng phát hành, tuy nhiên các công ty chứng khoán, sản xuất cũng sẽ tăng huy động. Lãi suất phát hành có thể tăng nhẹ trong năm 2026 khi mặt bằng lãi suất thị trường 1 và thị trường 2 đều có xu hướng tăng.

6 . THÔNG TIN KHÁC

Đội ngũ quản lý quỹ

Ông Bạch Thế Phong
Giám đốc Đầu tư

Ông Bạch Thế Phong có gần 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB vào năm 2015, ông từng đảm nhiệm vị trí Trưởng Bộ phận Tư vấn Đầu tư. Ông Phong là thành viên Hiệp hội CFA (CFA Charter Holder), thành viên của cộng đồng CFA Singapore từ năm 2019.

Bà Bùi Thị Trang Nhung
Giám đốc Đầu tư

Bà Bùi Thị Trang Nhung có trên 08 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB từ năm 2015 với vị trí chuyên viên phân tích đầu tư cao cấp và trợ lý quản lý danh mục đầu tư, hiện bà Nhung phụ trách hoạch định, đề xuất chiến lược và giải pháp đầu tư. Bà Nhung là thành viên hiệp hội các nhà đầu tư phân tích tài chính (CFA Charter Holder) từ năm 2019.

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB

Ông Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Ông Chu Hồng Kiên có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng. Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB, ông Kiên từng là Giám đốc Chi nhánh Thủ Đức - Ngân hàng TMCP Quân đội.

Ông Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Ông Giang Trung Kiên có trên 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng - Đầu tư. Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB trong vai trò Giám đốc Phân tích, ông Kiên là Giám đốc Phân tích đầu tư của Công ty Chứng khoán FPT và chuyên viên cao cấp phòng Dự án của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ông Kiên có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Deakin (Melbourne, Australia) và chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Ông Giang Trung Kiên hiện đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (PGC).

Ban Đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Cẩm Chi
Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Cẩm Chi hiện giữ chức Phó Tổng Giám đốc, Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD). Bà Chi có hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính. Bà Chi hiện là thành viên kỳ cựu Hiệp hội kế toán công chứng Anh Quốc (FCCA).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Bà Lưu Thị Thúy
*Thành viên Ban Đại diện
Quỹ*

Bà Lưu Thị Thúy có 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, chứng khoán và đầu tư. Bà Thúy đã từng giữ chức vụ quản lý cấp cao của Khối Ngân hàng đầu tư Techcombank. Bà Thúy là thành viên hiệp hội CFA (CFA Charter Holder), thành viên của cộng đồng CFA Singapore từ năm 2012.

Bà Trần Thu Lan
*Thành viên Ban Đại diện
Quỹ*

Bà Trần Thu Lan tốt nghiệp Cử nhân Luật chuyên ngành Hành chính - Tư Pháp tại Đại học Luật Hà Nội, thạc sỹ chuyên ngành Luật dân sự tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Bà Lan có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn pháp lý, kiểm soát tuân thủ, quản trị điều hành doanh nghiệp. Bà Lan gia nhập Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) kể từ năm 2009 và hiện đang đảm nhiệm chức vụ Trợ lý pháp chế HĐQT của MB.



Giang Trung Kiên

Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ đầu tư trái phiếu MB ("Quỹ" hoặc "MBBOND") cho năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Với sự hiểu biết của chúng tôi, trong kỳ tài chính Quỹ đầu tư trái phiếu MB đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Việc tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan: Tại một số thời điểm, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ có phát sinh sai lệch, cụ thể như sau:

- Tại các kỳ định giá từ ngày 01/01/2025 đến 01/01/2026 tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC của một tổ chức phát hành trên tổng tài sản của Quỹ (mã trái phiếu: NVL122001) vượt quá hạn mức tối đa 20%, chưa đảm bảo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Sai lệch này phát sinh từ ngày 22/11/2022 và đã quá 3 tháng kể từ thời điểm phát sinh sai lệch nhưng quỹ vẫn chưa điều chỉnh được cơ cấu danh mục.

- Tại các kỳ định giá từ ngày 01/01/2025 đến 01/01/2026 tỷ lệ đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ và e khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu vượt 30% tổng tài sản (mã trái phiếu: NVL122001), chưa đảm bảo quy định tại điểm d khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Sai lệch này phát sinh từ ngày 07/12/2022 và đã quá 3 tháng kể từ thời điểm phát sinh sai lệch nhưng quỹ vẫn chưa điều chỉnh được cơ cấu danh mục.

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đầu tư trái phiếu MB đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Việc phát hành và giao dịch Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

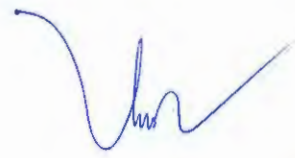
e) Trong kỳ, quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận. 

Hà Nội, ngày ... tháng 1 năm 2026
ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)


NHÂN VIÊN GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Cường


Nguyễn Quỳnh Vân

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Nhà đầu tư và Ban Đại diện
Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB được lập ngày 02 tháng 02 năm 2026, từ trang 15 đến trang 54, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính và Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo thu nhập, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến thông tin ghi chú tại Báo cáo Danh mục Đầu tư và Thuyết minh số 2.6 của Báo cáo tài chính trong đó mô tả về nguyên tắc, phương pháp định giá các trái phiếu niêm yết theo Sổ tay định giá của Quỹ và hạn mức đầu tư của Quỹ.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

Đoàn Thị Thúy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0937-2023-002-1

BÁO CÁO THU NHẬP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		21.933.915.078	21.904.851.461
02	1.1 Cổ tức, trái tức được chia	3	20.860.202.194	21.041.565.905
03	1.2 Tiền lãi được nhận	4	1.353.155.786	756.709.227
04	1.3 Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	5	(11.283.351)	(52.710.685)
05	1.4 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	(268.159.551)	159.287.014
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		2.669.366	-
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	6	2.669.366	-
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		3.939.222.471	3.606.232.682
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ mở		3.140.635.605	2.779.383.027
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		185.622.765	183.960.152
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		66.000.000	66.000.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		198.000.000	198.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		158.400.000	158.400.000
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		45.000.027	64.350.000
20.10	3.7 Chi phí hoạt động khác	7	145.564.074	156.139.503
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		17.992.023.241	18.298.618.779
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
24.1	5.1 Thu nhập khác		-	-
24.2	5.2 Chi phí khác		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		17.992.023.241	18.298.618.779
31	6.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		18.260.182.792	18.139.331.765
32	6.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		(268.159.551)	159.287.014
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		17.992.023.241	18.298.618.779


 Nguyễn Thị Minh Lê
 Người lập


 Phạm Thị Thu Hương
 Phụ trách kế toán


 Giang Trung Kiên
 Phó Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
 Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	8	21.158.377.418	24.623.132.103
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		1.158.377.418	1.323.132.103
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		20.000.000.000	23.300.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	9	201.341.214.124	183.592.163.538
121	2.1 Các khoản đầu tư		201.341.214.124	183.592.163.538
121	2.1.1 Các khoản đầu tư trái phiếu		201.341.214.124	183.592.163.538
130	3. Các khoản phải thu	10	56.236.150.012	36.225.595.470
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		56.236.150.012	36.225.595.470
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		56.236.150.012	36.225.595.470
100	TỔNG TÀI SẢN		278.735.741.554	244.440.891.111
Mã số	NGUỒN VỐN			
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
316	1. Chi phí phải trả	11	30.000.027	32.500.000
317	2. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	12	192.496.032	523.044.532
318	3. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	13	25.084.126	26.864.866
319	4. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	14	320.600.288	286.385.307
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		568.180.473	868.794.705
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	15	278.167.561.081	243.572.096.406
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		170.687.393.400	160.122.468.400
412	1.1 Vốn góp phát hành		5.229.409.047.900	5.161.369.967.700
413	1.2 Vốn góp mua lại		(5.058.721.654.500)	(5.001.247.499.300)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(62.766.162.657)	(68.804.679.091)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	16	170.246.330.338	152.254.307.097
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		16.297	15.212

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

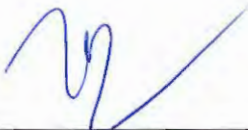
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2025	31/12/2024
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	20	17.068.739,34	16.012.246,84



Nguyễn Thị Minh Lê
Người lập



Phạm Thị Thu Hương
Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
I.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm	243.572.096.406	216.407.312.352
II.	Thay đổi NAV trong năm	17.992.023.241	18.298.618.779
	Trong đó:		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong năm	17.992.023.241	18.298.618.779
II.2	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho nhà đầu tư trong năm	-	-
III.	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=II.1-II.2)	16.603.441.434	8.866.165.275
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	107.375.264.113	88.013.892.025
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	90.771.822.679	79.147.726.750
IV.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm (IV= I+II+III)	278.167.561.081	243.572.096.406



Nguyễn Thị Minh Lê
Người lập



Phạm Thị Thu Hương
Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại	Tổng giá trị	Tỷ lệ trên
			ngày 31/12/2025		Tổng giá trị
			VND	VND	tài sản hiện tại
					của Quỹ
					%
I	Trái phiếu				
1.	NVL122001 (*)	1.733.333	100.053,35	173.425.776.524	62,22%
2.	VIC124004	130.000	99.350	12.915.437.600	4,63%
3.	VDS12504	150	100.000.000	15.000.000.000	5,38%
	Tổng	1.863.483		201.341.214.124	72,23%
II	Các tài sản khác				
1	Dự thu lãi trái phiếu			56.173.554.120	20,15%
2	Dự thu lãi tiền gửi			62.595.892	0,02%
	Tổng			56.236.150.012	20,17%
III	Tiền				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ			1.158.377.418	0,42%
2	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng			20.000.000.000	7,18%
	Tổng			21.158.377.418	7,60%
IV	Tổng giá trị danh mục			278.735.741.554	100%

Ghi chú:

(*) Giá trị hợp lý của trái phiếu NVL122001 tại ngày 31/12/2025:

Mã trái phiếu NVL122001 có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày trước ngày định giá nhưng giá yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là 57.435,34 VND/trái phiếu (tương đương với giá trị trái phiếu Quỹ nắm giữ là: 99.554.570.188 VND) có chênh lệch tuyệt đối quá 1% so với giá của kỳ định giá gần nhất là 100.053,35 VND/trái phiếu và đã quá 03 tháng kể từ kỳ báo cáo gần nhất tính đến ngày định giá có biến động giá nên giá trị hợp lý được định giá theo giá mua cộng lãi lũy kế tính đến ngày trước ngày định giá theo Sổ tay định giá với giá trị là 100.053,35 VND/trái phiếu (tương đương với giá trị trái phiếu Quỹ nắm giữ là: 173.425.776.524 VND). Giá trị trái phiếu chênh lệch giữa giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và giá theo sổ tay định giá là 73.871.206.336 VND.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(74.991.674.995)	(78.115.560.000)
02	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		55.007.100.000	70.000.000.000
04	4. Tiền lãi đã thu		4.158.884.945	9.870.996.235
06	5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở		(3.907.507.463)	(3.576.619.854)
08	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới)		(2.669.366)	-
09	7. Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư		5.000.000	-
10	8. Tiền chi khác từ hoạt động đầu tư		(5.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(19.735.866.879)	(1.681.593.619)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ mở		107.044.715.613	88.093.112.009
22	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở		(90.773.603.419)	(79.132.588.494)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		16.271.112.194	8.960.523.515
40	III. TĂNG/GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(3.464.754.685)	7.278.929.896
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	8	24.623.132.103	17.344.202.207
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		24.623.132.103	17.344.202.207
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		24.073.222.705	16.888.651.049
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		23.300.000.000	
	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		773.222.705	16.888.651.049
53	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ		549.909.398	455.551.158

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	8	21.158.377.418	24.623.132.103
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		21.158.377.418	24.623.132.103
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		20.940.797.260	24.073.222.705
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		20.000.000.000	23.300.000.000
	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		940.797.260	773.222.705
58	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ		217.580.158	549.909.398
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG NĂM		(3.464.754.685)	7.278.929.896



Nguyễn Thị Minh Lê
Người lập



Phạm Thị Thu Hương
Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1. Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (trước đây là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital) thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 11/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 02 năm 2018 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 32/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 03 năm 2018. Ngày 17 tháng 8 năm 2020, Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận số 07/GCN-UBCK về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng, chuyển đổi Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital thành Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 64.178.972.500 VND, tương đương với 6.417.897,25 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 170.687.393.400 VND, tương đương với 17.068.739,34 chứng chỉ quỹ (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 160.122.468.400 VND, tương đương với 16.012.246,84 chứng chỉ quỹ).

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK cấp ngày 30 tháng 09 năm 2024.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát ngày 04 tháng 01 năm 2018.

1.2. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại trái phiếu, các công cụ có thu nhập cố định được phát hành tại Việt Nam.

1.3. Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Ngày định giá

Ngày định giá là toàn bộ các ngày làm việc trong tuần và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi chứng chỉ quỹ vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6. Nếu ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

1.5 . Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- a) Đầu tư tối thiểu tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng của quỹ vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác.
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) của một tổ chức phát hành sau (trừ công cụ nợ của Chính phủ):
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
- d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định sau phát hành bởi các công ty trong cùng nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, công ty con, các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định pháp luật:
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - (iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - (iv) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
 - (v) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ.
- e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
- g) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư trái phiếu MB;
- h) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - (i) Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (ii) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (iii) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

k) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế quy định tại điểm b, c, d, e, h và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ

2.1 . Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư số 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và Thông tư số 91/2019/TT-BTC (“Thông tư số 91”) ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Các ước tính kế toán lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ và được đánh giá là hợp lý với các giả định hiện tại.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

2.6 . Các khoản đầu tư*Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc;
- Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB****Báo cáo tài chính**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
3.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời hạn còn lại tới thời điểm đáo hạn dưới 3 tháng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế từ thời điểm mua tính tới ngày trước ngày định giá.
Trái phiếu		
4.	Trái phiếu niêm yết	Giá yết (giá sạch) bình quân gia quyền trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá mà không có biến động bất thường cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; Trường hợp không có giao dịch mua bán thông thường (outright) nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá có biến động bất thường, giá được sử dụng theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 03 tháng tính đến ngày định giá; - Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá. Biến động bất thường được quy định tại Sổ tay định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản (là giá có chênh lệch tương đối cao hơn hoặc thấp hơn 1% so với giá của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua trong trường hợp không có giá của kỳ định giá gần nhất); Đối với trái phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch: - Trái phiếu được định giá theo mệnh giá của trái phiếu cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước định giá.
5.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; - Trong trường hợp trái phiếu có thời hạn đáo hạn ít hơn 15 ngày tính đến ngày định giá: Mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi Ngân hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Cụ thể:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

2.8 . Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

2.9 . Vốn chủ sở hữu*Vốn góp phát hành*

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/ mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá chứng chỉ quỹ mua lại và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch do đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào “Lợi nhuận chưa phân phối”.

Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/ tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

2.10 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc nêu tại Thuyết minh số 2.6.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.

2.11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là cổ đông được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu để đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.12 . Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý là 1,2%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = $1,2\% \times \text{Giá trị Tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$.

Giá dịch vụ Ngân hàng giám Sát

Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát là 0,02%/năm trên Tổng giá trị Tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND (Năm triệu đồng) một tháng. Giá Dịch vụ Ngân hàng Giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát = $0,02\% \times \text{Giá trị Tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$.

Giá dịch vụ Lưu Ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,06%/năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ lưu ký = $0,06\% \times \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$.

Mức giá trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh..., cụ thể:

Giá dịch vụ lưu ký xử lý giao dịch: 150.000 VND/1 giao dịch/1 mã chứng khoán/1 ngày (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).



Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03%/năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,03% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng (nếu có) bao gồm giá cố định hàng tháng là 12.000.000 VND/tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Tiền thiết lập, duy trì thông tin, tiền kết nối, tiền cung cấp thông tin được miễn. Mức giá trên chưa bao gồm các tiền khác như tiền gửi thư cho nhà đầu tư, tiền lập danh sách thực hiện quyền, tiền cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được phân bổ hàng kỳ vào mỗi kỳ định giá.

Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải đảm bảo tuân thủ mức tối đa 2%/năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định khi ký kết hợp đồng kiểm toán.

2.13 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

2.14 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong Báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.15 . Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân sửa đổi với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3 . CỔ TỨC, TRÁI TỨC ĐƯỢC CHIA

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi trái phiếu	20.860.202.194	21.041.565.905
	<u>20.860.202.194</u>	<u>21.041.565.905</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB****Báo cáo tài chính**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4 . TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.014.977.704	703.998.542
Lãi chứng chỉ tiền gửi	338.178.082	52.710.685
	1.353.155.786	756.709.227

5 . LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025		
Tổng giá trị bán trong kỳ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong kỳ
VND	VND	VND
Trái phiếu niêm yết	10.007.100.000	-
Chứng chỉ tiền gửi	45.000.000.000	(11.283.351)
55.007.100.000	55.018.383.351	(11.283.351)

Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024		
Tổng giá trị bán trong kỳ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong kỳ
VND	VND	VND
Chứng chỉ tiền gửi	70.000.000.000	(52.710.685)
70.000.000.000	70.052.710.685	(52.710.685)

6 . CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025					
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 31/12/2025 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2025 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2025 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2024 (kỳ NAV) (NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Trái phiếu niêm yết	186.450.086.661	186.341.214.124	(108.872.537)	159.287.014	(268.159.551)
Trái phiếu chưa niêm yết	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-
	201.450.086.661	201.341.214.124	(108.872.537)	159.287.014	(268.159.551)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB****Báo cáo tài chính**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024

	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 31/12/2024 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2024 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2024 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2023 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Trái phiếu niêm yết	183.432.876.524	183.592.163.538	159.287.014	-	159.287.014
	<u>183.432.876.524</u>	<u>183.592.163.538</u>	<u>159.287.014</u>	<u>-</u>	<u>159.287.014</u>

7 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Phí ngân hàng	6.064.074	5.539.503
Phí quản lý thường niên	7.500.000	7.500.000
Chi thù lao Ban Đại diện Quỹ	132.000.000	143.100.000
	<u>145.564.074</u>	<u>156.139.503</u>

8 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	940.797.260	773.222.705
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	192.496.032	523.044.532
Tài khoản thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư	25.084.126	26.864.866
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	20.000.000.000	23.300.000.000
	<u>21.158.377.418</u>	<u>24.623.132.103</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tiền gửi có kỳ hạn nằm trong khoản mục tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn 01 tháng với lãi suất là 4,75%/năm

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

	Chênh lệch đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại
	Giá mua	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ	Chênh lệch đánh giá		
			tăng	giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025					
Trái phiếu niêm yết	186.450.086.661	186.341.214.124	-	(108.872.537)	186.341.214.124
Trái phiếu chưa niêm yết	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
	<u>201.450.086.661</u>	<u>201.341.214.124</u>	<u>-</u>	<u>(108.872.537)</u>	<u>201.341.214.124</u>
Tại ngày 31/12/2024					
Trái phiếu niêm yết	183.432.876.524	183.592.163.538	159.287.014	-	183.592.163.538
	<u>183.432.876.524</u>	<u>183.592.163.538</u>	<u>159.287.014</u>	<u>-</u>	<u>183.592.163.538</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

10 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết	56.091.362.338	36.195.279.853
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu chưa niêm yết phát sinh trong năm	82.191.782	-
Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi	62.595.892	30.315.617
	<u>56.236.150.012</u>	<u>36.225.595.470</u>

11 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	22.500.027	32.500.000
Chi phí quản lý thường niên	7.500.000	-
	<u>30.000.027</u>	<u>32.500.000</u>

12 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	192.496.032	523.044.532
	<u>192.496.032</u>	<u>523.044.532</u>

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền nhận được từ Nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ hợp lệ và chờ phát hành.

13 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	25.084.126	26.864.866
	<u>25.084.126</u>	<u>26.864.866</u>

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua lại chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ Quỹ hợp lệ chưa hoàn thành thủ tục thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB**

Tầng 12, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

14 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý	283.273.481	249.044.294
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	15.326.807	15.341.013
Phải trả phí dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị	16.500.000	16.500.000
	320.600.288	286.385.307

15 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2023	Phát sinh trong kỳ	31/12/2024
	VND	VND	VND
Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	510.102.524,87	6.034.471,90	516.136.996,77
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	12.618	14.585	12.641
Giá trị ghi theo mệnh giá	5.101.025.248.700	60.344.719.000	5.161.369.967.700
Thặng dư vốn	1.335.469.099.858	27.669.173.025	1.363.138.272.883
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	6.436.494.348.558	88.013.892.025	6.524.508.240.583
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	494.704.642,62	5.420.107,31	500.124.749,93
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	12.844	14.603	12.863
Giá trị ghi theo mệnh giá	4.947.046.426.200	54.201.073.100	5.001.247.499.300
Thặng dư vốn	1.406.996.298.324	24.946.653.650	1.431.942.951.974
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	6.354.042.724.524	79.147.726.750	6.433.190.451.274
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	15.397.882,25	614.364,59	16.012.246,84
Giá trị vốn góp hiện hành	82.451.624.034	8.866.165.275	91.317.789.309
Lợi nhuận chưa phân phối	133.955.688.318	18.298.618.779	152.254.307.097
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	216.407.312.352		243.572.096.406
Giá trị tài sản ròng trên 1 CCQ	14.054		15.212

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	31/12/2024	Phát sinh trong kỳ	31/12/2025
	VND	VND	VND
Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	516.136.996,77	6.803.908,02	522.940.904,79
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	12.641	15.781	12.682
Giá trị ghi theo mệnh giá	5.161.369.967.700	68.039.080.200	5.229.409.047.900
Thặng dư vốn	1.363.138.272.883	39.336.183.913	1.402.474.456.796
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	6.524.508.240.583	107.375.264.113	6.631.883.504.696
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	500.124.749,93	5.747.415,52	505.872.165,45
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	12.863	15.794	12.896
Giá trị ghi theo mệnh giá	5.001.247.499.300	57.474.155.200	5.058.721.654.500
Thặng dư vốn	1.431.942.951.974	33.297.667.479	1.465.240.619.453
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	6.433.190.451.274	90.771.822.679	6.523.962.273.953
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	16.012.246,84	1.056.492,50	17.068.739,34
Giá trị vốn góp hiện hành	91.317.789.309	16.603.441.434	107.921.230.743
Lợi nhuận chưa phân phối	152.254.307.097	17.992.023.241	170.246.330.338
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	243.572.096.406		278.167.561.081
Giá trị tài sản ròng trên 1 CCQ	15.212		16.297

16 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện	170.355.202.875	152.095.020.083
Lợi nhuận chưa thực hiện	(108.872.537)	159.287.014
	170.246.330.338	152.254.307.097

17 . MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUỸ MỞ

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	1,51%	1,56%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	24,47%	30,25%

Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí là: Tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ mở tính cho 1 đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động * 100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm.

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của Chỉ tiêu Tỷ lệ chi phí hoạt động, gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái của Quỹ mở (Bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các Nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (Thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả Thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán Chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ quỹ.
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho Nhà đầu tư.

Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ mở trong 1 năm.

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua trong năm + Tổng giá trị bán trong năm) / 2 * 100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm.

18 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết, các khoản phải thu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Để hạn chế những rủi ro về lãi suất có thể làm ảnh hưởng tới giá trị đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên phân tích, đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng vận động của thị trường và kỳ vọng lãi suất trong từng giai đoạn để có các quyết định phân bổ tài sản phù hợp. Đối với phần tài sản phân bổ vào trái phiếu, Quỹ sẽ giữ kỳ hạn của các trái phiếu một cách phù hợp tương ứng với các kỳ vọng về lãi suất.

Độ nhạy đối với lãi suất

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong năm, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết

Các trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh toán, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	01/01/2024	216.407.312.352	15.397.882,25	14.054	
2	02/01/2024	216.457.151.823	15.397.882,25	14.058	4
3	03/01/2024	216.361.863.030	15.387.558,26	14.061	3
4	04/01/2024	217.545.228.485	15.468.174,67	14.064	3
5	05/01/2024	218.927.681.896	15.562.937,20	14.067	3
6	08/01/2024	219.105.629.556	15.565.026,52	14.077	10
7	09/01/2024	219.262.179.759	15.572.141,98	14.080	3
8	10/01/2024	219.564.807.997	15.589.623,59	14.084	4

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB**

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
9	11/01/2024	220.427.102.509	15.646.840,17	14.088	4
10	12/01/2024	220.625.057.035	15.658.089,97	14.090	2
11	15/01/2024	221.572.634.076	15.712.880,27	14.101	11
12	16/01/2024	221.584.065.546	15.712.548,87	14.102	1
13	17/01/2024	222.705.164.818	15.788.507,25	14.106	4
14	18/01/2024	222.996.732.886	15.805.638,01	14.109	3
15	19/01/2024	223.236.753.415	15.819.112,16	14.112	3
16	22/01/2024	218.529.627.285	15.474.989,36	14.121	9
17	23/01/2024	218.812.186.986	15.491.465,43	14.125	4
18	24/01/2024	219.906.626.499	15.565.417,13	14.128	3
19	25/01/2024	220.172.709.451	15.580.721,85	14.131	3
20	26/01/2024	220.209.944.392	15.579.794,57	14.134	3
21	29/01/2024	220.459.472.661	15.586.869,14	14.144	10
22	30/01/2024	220.711.844.785	15.601.189,72	14.147	3
23	31/01/2024	221.359.695.819	15.643.463,34	14.150	3
24	01/02/2024	221.483.701.329	15.648.731,88	14.153	3
25	02/02/2024	221.712.830.427	15.661.413,40	14.157	4
26	05/02/2024	222.021.788.290	15.672.723,78	14.166	9
27	06/02/2024	221.510.448.850	15.633.122,29	14.169	3
28	07/02/2024	222.098.685.365	15.671.134,46	14.172	3
29	14/02/2024	223.572.647.018	15.750.649,13	14.195	23
30	15/02/2024	223.622.229.278	15.750.649,13	14.198	3
31	16/02/2024	223.713.930.385	15.753.623,92	14.201	3
32	19/02/2024	224.652.274.289	15.809.256,70	14.210	9
33	20/02/2024	224.846.915.097	15.819.475,62	14.213	3
34	21/02/2024	225.252.717.846	15.844.549,88	14.216	3
35	22/02/2024	225.419.232.092	15.852.787,31	14.220	4
36	23/02/2024	225.672.126.955	15.867.084,60	14.223	3
37	26/02/2024	226.407.598.108	15.908.269,74	14.232	9
38	27/02/2024	226.786.159.294	15.931.379,75	14.235	3
39	28/02/2024	225.584.411.767	15.843.466,06	14.238	3
40	29/02/2024	221.069.028.051	15.522.921,27	14.241	3
41	01/03/2024	220.480.306.466	15.471.183,73	14.251	10
42	04/03/2024	221.090.291.720	15.503.571,12	14.261	10
43	05/03/2024	221.437.403.932	15.524.442,10	14.264	3
44	06/03/2024	222.063.023.344	15.564.835,12	14.267	3
45	07/03/2024	222.597.514.747	15.598.838,75	14.270	3
46	08/03/2024	222.909.171.964	15.617.215,29	14.273	3
47	11/03/2024	223.354.916.444	15.638.061,30	14.283	10
48	12/03/2024	223.497.696.688	15.644.585,34	14.286	3
49	13/03/2024	223.565.890.504	15.640.990,55	14.294	8
50	14/03/2024	224.867.000.873	15.728.540,87	14.297	3
51	15/03/2024	225.502.241.526	15.769.500,30	14.300	3
52	18/03/2024	225.876.001.508	15.785.292,78	14.309	9
53	19/03/2024	226.677.801.037	15.837.882,93	14.312	3

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB****Báo cáo tài chính**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
54	20/03/2024	227.077.013.615	15.862.333,30	14.315	3
55	21/03/2024	227.212.807.973	15.868.377,69	14.319	4
56	22/03/2024	227.436.091.290	15.880.530,77	14.322	3
57	25/03/2024	227.651.311.572	15.885.246,14	14.331	9
58	26/03/2024	227.149.978.668	15.846.783,53	14.334	3
59	27/03/2024	227.337.510.849	15.856.430,91	14.337	3
60	28/03/2024	227.651.886.149	15.874.924,43	14.340	3
61	29/03/2024	227.658.712.208	15.871.967,30	14.343	3
62	01/04/2024	227.767.060.737	15.869.249,58	14.353	10
63	02/04/2024	227.422.029.551	15.841.784,91	14.356	3
64	03/04/2024	227.576.688.614	15.849.136,27	14.359	3
65	04/04/2024	227.969.952.053	15.873.101,03	14.362	3
66	05/04/2024	228.301.409.650	15.892.758,18	14.365	3
67	08/04/2024	228.710.295.893	15.910.962,90	14.374	9
68	09/04/2024	228.997.908.862	15.927.554,87	14.377	3
69	10/04/2024	229.453.165.607	15.955.804,55	14.381	4
70	11/04/2024	229.363.036.510	15.946.122,60	14.384	3
71	12/04/2024	229.618.396.709	15.960.448,61	14.387	3
72	15/04/2024	230.320.152.433	15.998.929,01	14.396	9
73	16/04/2024	230.455.640.326	16.003.082,95	14.401	5
74	17/04/2024	230.808.666.604	16.024.168,60	14.404	3
75	19/04/2024	228.995.735.888	15.892.129,05	14.409	5
76	22/04/2024	229.420.478.875	15.911.319,72	14.419	10
77	23/04/2024	229.962.413.698	15.945.470,87	14.422	3
78	24/04/2024	230.403.810.422	15.972.644,62	14.425	3
79	25/04/2024	230.211.607.842	15.955.888,89	14.428	3
80	26/04/2024	230.267.558.390	15.956.298,67	14.431	3
81	01/05/2024	230.738.557.566	15.971.819,30	14.447	16
82	02/05/2024	230.788.100.643	15.971.819,30	14.450	3
83	03/05/2024	230.669.144.405	15.960.158,10	14.453	3
84	06/05/2024	231.471.363.310	16.005.382,77	14.462	9
85	07/05/2024	231.754.648.081	16.014.640,54	14.471	9
86	08/05/2024	232.612.846.834	16.070.525,40	14.475	4
87	09/05/2024	232.637.861.886	16.068.834,79	14.478	3
88	10/05/2024	232.695.938.039	16.069.554,73	14.481	3
89	13/05/2024	232.618.502.539	16.054.393,48	14.489	8
90	14/05/2024	232.871.410.486	16.068.987,87	14.492	3
91	15/05/2024	232.976.927.954	16.072.884,21	14.495	3
92	16/05/2024	233.199.598.849	16.084.843,50	14.498	3
93	17/05/2024	233.845.338.717	16.131.637,79	14.496	(2)
94	20/05/2024	233.931.546.494	16.127.263,56	14.505	9
95	21/05/2024	234.198.628.739	16.142.290,65	14.508	3
96	22/05/2024	234.374.532.627	16.150.978,35	14.511	3
97	23/05/2024	234.785.244.883	16.173.606,78	14.517	6
98	24/05/2024	234.471.230.689	16.145.321,18	14.523	6

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
99	27/05/2024	234.898.823.541	16.164.453,85	14.532	9
100	28/05/2024	234.858.976.628	16.158.440,08	14.535	3
101	29/05/2024	235.264.388.838	16.182.909,39	14.538	3
102	30/05/2024	230.798.924.072	15.872.399,00	14.541	3
103	31/05/2024	230.989.040.615	15.882.885,41	14.543	2
104	01/06/2024	231.124.640.234	15.888.431,08	14.547	4
105	03/06/2024	231.224.247.780	15.888.431,08	14.553	6
106	04/06/2024	231.950.010.246	15.941.228,07	14.550	(3)
107	05/06/2024	232.044.569.054	15.946.439,91	14.551	1
108	06/06/2024	232.442.755.590	15.964.408,78	14.560	9
109	07/06/2024	232.495.947.606	15.970.654,10	14.558	(2)
110	10/06/2024	233.133.939.867	15.998.381,42	14.572	14
111	11/06/2024	233.460.926.590	16.022.829,09	14.571	(1)
112	12/06/2024	233.281.635.955	16.001.399,18	14.579	8
113	13/06/2024	233.305.276.098	15.999.641,51	14.582	3
114	14/06/2024	233.411.018.461	16.003.511,97	14.585	3
115	17/06/2024	233.536.050.439	16.002.274,32	14.594	9
116	18/06/2024	233.597.227.857	16.002.753,97	14.597	3
117	19/06/2024	233.091.319.894	15.964.679,04	14.600	3
118	20/06/2024	233.165.463.831	15.966.341,88	14.604	4
119	21/06/2024	233.390.408.024	15.978.460,75	14.607	3
120	24/06/2024	233.475.932.783	15.980.541,45	14.610	3
121	25/06/2024	233.489.146.126	15.978.033,45	14.613	3
122	26/06/2024	228.919.285.807	15.655.695,14	14.622	9
123	27/06/2024	228.388.214.924	15.616.040,77	14.625	3
124	28/06/2024	228.439.516.094	15.616.155,98	14.628	3
125	01/07/2024	228.767.970.202	15.628.250,91	14.638	10
126	02/07/2024	228.885.359.259	15.638.991,06	14.636	(2)
127	03/07/2024	229.170.297.760	15.655.086,65	14.639	3
128	04/07/2024	229.301.107.429	15.660.628,33	14.642	3
129	05/07/2024	229.451.953.235	15.671.921,97	14.641	(1)
130	08/07/2024	229.899.631.487	15.692.322,77	14.650	9
131	09/07/2024	230.033.163.238	15.698.047,62	14.654	4
132	10/07/2024	229.538.482.619	15.660.899,99	14.657	3
133	11/07/2024	229.060.427.686	15.624.893,45	14.660	3
134	12/07/2024	229.329.940.741	15.639.888,46	14.663	3
135	15/07/2024	229.546.679.953	15.644.506,29	14.673	10
136	16/07/2024	229.595.006.098	15.644.411,28	14.676	3
137	17/07/2024	230.058.817.023	15.672.627,42	14.679	3
138	18/07/2024	230.166.146.157	15.676.549,30	14.682	3
139	19/07/2024	230.259.333.614	15.679.507,46	14.685	3
140	22/07/2024	230.741.919.991	15.702.209,14	14.695	10
141	23/07/2024	230.878.330.972	15.708.107,49	14.698	3
142	24/07/2024	231.181.563.107	15.725.355,04	14.701	3
143	25/07/2024	231.288.411.678	15.729.241,01	14.704	3

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
144	26/07/2024	231.181.235.802	15.715.417,98	14.710	6
145	29/07/2024	231.458.681.140	15.724.140,12	14.720	10
146	30/07/2024	231.772.934.019	15.736.673,88	14.728	8
147	31/07/2024	231.703.972.352	15.728.616,03	14.731	3
148	01/08/2024	231.818.412.440	15.733.035,37	14.735	4
149	02/08/2024	231.941.307.487	15.738.002,76	14.738	3
150	05/08/2024	232.072.779.579	15.742.746,24	14.742	4
151	06/08/2024	232.122.302.444	15.742.386,85	14.745	3
152	07/08/2024	231.633.885.836	15.700.531,18	14.753	8
153	08/08/2024	231.838.541.778	15.711.034,07	14.756	3
154	09/08/2024	232.528.565.352	15.754.429,37	14.760	4
155	12/08/2024	232.857.678.825	15.766.631,89	14.769	9
156	13/08/2024	233.058.561.841	15.776.870,80	14.772	3
157	14/08/2024	233.208.284.907	15.783.644,07	14.775	3
158	15/08/2024	231.353.980.128	15.654.775,97	14.778	3
159	16/08/2024	228.313.861.039	15.443.034,86	14.784	6
160	19/08/2024	228.621.023.035	15.453.791,31	14.794	10
161	20/08/2024	228.677.604.799	15.455.056,30	14.796	2
162	21/08/2024	228.769.988.621	15.458.157,22	14.799	3
163	22/08/2024	228.888.021.601	15.462.796,72	14.802	3
164	23/08/2024	229.092.777.928	15.473.294,58	14.806	4
165	26/08/2024	229.208.220.439	15.473.617,08	14.813	7
166	27/08/2024	229.562.813.838	15.494.223,49	14.816	3
167	28/08/2024	230.118.516.469	15.528.400,56	14.819	3
168	29/08/2024	228.073.917.225	15.387.095,57	14.822	3
169	30/08/2024	228.804.877.307	15.433.080,26	14.826	4
170	01/09/2024	229.266.901.909	15.457.609,14	14.832	6
171	04/09/2024	229.414.762.636	15.457.609,14	14.842	10
172	05/09/2024	229.634.804.336	15.469.114,26	14.845	3
173	06/09/2024	230.300.576.959	15.510.643,16	14.848	3
174	09/09/2024	230.445.033.365	15.515.102,69	14.853	5
175	10/09/2024	230.640.747.903	15.524.967,00	14.856	3
176	11/09/2024	231.408.897.298	15.573.359,65	14.859	3
177	12/09/2024	231.221.468.852	15.557.432,29	14.862	3
178	13/09/2024	231.184.045.594	15.551.601,56	14.866	4
179	16/09/2024	231.206.993.898	15.543.210,71	14.875	9
180	17/09/2024	231.075.269.252	15.531.043,14	14.878	3
181	18/09/2024	231.570.592.721	15.561.024,90	14.881	3
182	19/09/2024	231.860.001.434	15.577.163,86	14.885	4
183	20/09/2024	231.914.730.449	15.577.526,79	14.888	3
184	23/09/2024	232.141.460.408	15.582.818,14	14.897	9
185	24/09/2024	233.100.239.491	15.643.870,02	14.900	3
186	25/09/2024	232.954.248.190	15.630.763,49	14.904	4
187	26/09/2024	233.127.439.108	15.639.035,63	14.907	3
188	27/09/2024	233.134.430.201	15.636.198,32	14.910	3

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND	VND
189	30/09/2024	233.760.733.173	15.668.291,48	14.919		9
190	01/10/2024	233.902.312.686	15.674.502,86	14.922		3
191	02/10/2024	234.120.031.788	15.685.788,01	14.926		4
192	03/10/2024	234.304.114.343	15.694.816,19	14.929		3
193	04/10/2024	234.688.831.062	15.717.283,44	14.932		3
194	07/10/2024	235.176.105.533	15.740.014,57	14.941		9
195	08/10/2024	234.560.825.743	15.695.537,25	14.944		3
196	09/10/2024	234.495.836.473	15.687.888,35	14.948		4
197	10/10/2024	234.724.343.825	15.699.876,91	14.951		3
198	11/10/2024	234.903.532.488	15.708.564,88	14.954		3
199	14/10/2024	235.339.072.321	15.727.804,03	14.963		9
200	15/10/2024	235.520.434.134	15.736.631,64	14.966		3
201	16/10/2024	235.489.978.998	15.731.303,99	14.970		4
202	17/10/2024	235.723.499.318	15.743.612,20	14.973		3
203	18/10/2024	235.865.396.234	15.749.798,88	14.976		3
204	21/10/2024	236.395.519.485	15.775.332,47	14.985		9
205	22/10/2024	236.599.262.329	15.785.643,09	14.988		3
206	23/10/2024	237.006.621.264	15.809.537,67	14.991		3
207	24/10/2024	237.636.085.734	15.848.909,14	14.994		3
208	25/10/2024	237.728.300.354	15.851.802,85	14.997		3
209	28/10/2024	237.900.886.699	15.853.402,49	15.006		9
210	29/10/2024	238.520.611.096	15.885.242,47	15.015		9
211	30/10/2024	238.766.507.445	15.898.344,68	15.018		3
212	31/10/2024	238.976.951.752	15.909.083,94	15.021		3
213	01/11/2024	238.934.132.056	15.902.984,48	15.024		3
214	04/11/2024	239.313.367.169	15.918.425,68	15.034		10
215	05/11/2024	239.622.572.972	15.935.728,55	15.037		3
216	06/11/2024	239.997.053.178	15.957.369,54	15.040		3
217	07/11/2024	240.207.736.897	15.968.119,34	15.043		3
218	08/11/2024	240.218.546.477	15.965.576,79	15.046		3
219	11/11/2024	240.508.693.233	15.975.082,10	15.055		9
220	12/11/2024	240.998.735.265	16.004.375,54	15.058		3
221	13/11/2024	241.549.519.768	16.037.697,98	15.061		3
222	14/11/2024	241.648.142.190	16.040.992,11	15.064		3
223	15/11/2024	241.911.162.873	16.055.199,46	15.067		3
224	18/11/2024	242.121.170.789	16.059.383,22	15.077		10
225	19/11/2024	242.342.089.254	16.070.786,81	15.080		3
226	20/11/2024	242.112.391.247	16.052.305,71	15.083		3
227	21/11/2024	242.191.212.414	16.054.209,01	15.086		3
228	22/11/2024	242.146.511.378	16.047.923,92	15.089		3
229	25/11/2024	242.347.777.514	16.051.300,41	15.098		9
230	26/11/2024	242.472.422.898	16.056.420,25	15.101		3
231	27/11/2024	242.117.855.197	16.029.621,67	15.104		3
232	28/11/2024	242.215.987.882	16.032.800,98	15.108		4
233	29/11/2024	242.803.005.004	16.068.339,92	15.111		3

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
234	01/12/2024	242.931.659.264	16.070.247,06	15.117	6
235	02/12/2024	242.981.810.186	16.070.247,06	15.120	3
236	03/12/2024	242.969.046.714	16.066.085,76	15.123	3
237	04/12/2024	243.089.180.378	16.070.974,56	15.126	3
238	05/12/2024	243.362.290.027	16.085.715,24	15.129	3
239	06/12/2024	243.523.705.927	16.093.070,50	15.132	3
240	09/12/2024	243.771.208.132	16.099.489,01	15.142	10
241	10/12/2024	244.067.386.208	16.115.742,60	15.145	3
242	11/12/2024	244.515.190.131	16.142.001,79	15.148	3
243	12/12/2024	245.059.811.496	16.174.648,66	15.151	3
244	13/12/2024	245.055.088.953	16.171.031,30	15.154	3
245	16/12/2024	245.420.932.633	16.185.260,42	15.163	9
246	17/12/2024	245.837.971.715	16.209.462,73	15.166	3
247	18/12/2024	246.453.328.238	16.246.737,56	15.169	3
248	19/12/2024	246.494.081.988	16.246.125,36	15.172	3
249	20/12/2024	246.862.319.673	16.267.098,99	15.176	4
250	23/12/2024	247.289.990.121	16.285.382,83	15.185	9
251	24/12/2024	247.474.043.485	16.294.203,01	15.188	3
252	25/12/2024	247.563.006.414	16.296.760,65	15.191	3
253	26/12/2024	247.574.734.712	16.294.210,06	15.194	3
254	27/12/2024	247.793.359.503	16.305.301,09	15.197	3
255	30/12/2024	242.839.266.665	15.969.474,23	15.206	9
256	31/12/2024	243.130.943.802	15.985.359,70	15.210	4
257	01/01/2025	243.572.096.406	16.012.246,84	15.212	2

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm

231.597.852.461

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

- Mức thấp nhất trong năm

1

- Mức cao nhất trong năm

23

Giá trị tài sản ròng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	01/01/2025	243.572.096.406	16.012.246,84	15.212	
2	02/01/2025	243.622.163.580	16.012.246,84	15.215	3
3	03/01/2025	243.941.903.310	16.029.971,40	15.218	3
4	06/01/2025	244.308.241.933	16.044.178,00	15.227	9
5	07/01/2025	243.865.305.080	16.011.804,88	15.230	3
6	08/01/2025	243.853.099.403	16.013.836,96	15.228	(2)
7	09/01/2025	243.308.957.782	15.974.858,47	15.231	3
8	10/01/2025	243.190.927.298	15.963.823,01	15.234	3

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
9	13/01/2025	243.228.365.634	15.956.512,04	15.243	9
10	14/01/2025	243.467.528.524	15.968.923,04	15.246	3
11	15/01/2025	243.578.694.926	15.972.935,82	15.249	3
12	16/01/2025	243.237.698.699	15.947.295,60	15.253	4
13	17/01/2025	243.306.138.186	15.948.505,24	15.256	3
14	20/01/2025	242.814.976.175	15.906.589,74	15.265	9
15	21/01/2025	243.013.595.844	15.916.386,50	15.268	3
16	22/01/2025	242.744.571.422	15.895.551,28	15.271	3
17	23/01/2025	242.796.624.442	15.895.745,92	15.274	3
18	24/01/2025	243.239.500.417	15.921.528,99	15.277	3
19	29/01/2025	244.186.441.449	15.967.179,06	15.293	16
20	03/02/2025	244.335.591.947	15.967.179,06	15.302	9
21	03/02/2025	244.434.823.985	15.967.179,06	15.309	7
22	04/02/2025	244.908.156.171	15.994.857,48	15.312	3
23	05/02/2025	246.048.322.344	16.066.081,43	15.315	3
24	06/02/2025	246.353.753.254	16.082.788,59	15.318	3
25	07/02/2025	246.819.401.346	16.109.957,91	15.321	3
26	10/02/2025	247.731.865.168	16.159.820,02	15.330	9
27	11/02/2025	248.622.278.360	16.214.675,13	15.333	3
28	12/02/2025	248.744.027.015	16.219.387,90	15.336	3
29	13/02/2025	248.771.237.049	16.217.935,98	15.339	3
30	14/02/2025	249.047.778.698	16.230.745,54	15.344	5
31	17/02/2025	249.095.276.800	16.224.170,02	15.353	9
32	18/02/2025	249.462.482.117	16.244.866,37	15.356	3
33	19/02/2025	249.887.923.260	16.269.351,60	15.359	3
34	20/02/2025	249.441.910.257	16.237.092,43	15.362	3
35	21/02/2025	249.483.872.955	16.236.636,04	15.365	3
36	24/02/2025	244.712.094.975	15.916.482,68	15.375	10
37	25/02/2025	244.882.535.121	15.927.726,37	15.375	-
38	26/02/2025	245.304.549.703	15.951.860,51	15.378	3
39	27/02/2025	245.446.807.292	15.957.851,56	15.381	3
40	28/02/2025	245.601.868.575	15.964.674,29	15.384	3
41	03/03/2025	245.792.081.345	15.973.801,13	15.387	3
42	03/03/2025	245.892.720.024	15.973.801,13	15.394	7
43	04/03/2025	246.650.184.008	16.013.655,98	15.402	8
44	05/03/2025	247.002.602.089	16.033.271,41	15.406	4
45	06/03/2025	246.997.967.075	16.029.710,98	15.409	3
46	07/03/2025	247.028.056.121	16.028.400,05	15.412	3
47	10/03/2025	247.176.720.300	16.028.258,98	15.421	9
48	11/03/2025	247.408.739.478	16.040.044,48	15.424	3
49	12/03/2025	247.735.094.582	16.057.944,28	15.428	4
50	13/03/2025	248.097.967.611	16.084.427,94	15.425	(3)
51	14/03/2025	248.787.137.457	16.125.850,34	15.428	3
52	17/03/2025	248.908.405.938	16.123.945,09	15.437	9
53	18/03/2025	248.992.870.119	16.126.163,27	15.440	3

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB****Báo cáo tài chính**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
54	19/03/2025	249.667.073.799	16.166.542,14	15.443	3
55	20/03/2025	249.634.243.153	16.161.130,07	15.447	4
56	21/03/2025	249.824.506.524	16.170.525,94	15.449	2
57	24/03/2025	249.952.336.438	16.168.948,17	15.459	10
58	25/03/2025	250.027.224.880	16.170.510,60	15.462	3
59	26/03/2025	250.508.112.652	16.198.278,99	15.465	3
60	27/03/2025	250.180.884.387	16.173.839,45	15.468	3
61	28/03/2025	249.954.958.877	16.155.953,26	15.471	3
62	31/03/2025	250.012.940.310	16.149.863,38	15.481	10
63	01/04/2025	250.202.602.539	16.158.859,71	15.484	3
64	02/04/2025	250.315.818.937	16.163.689,31	15.486	2
65	03/04/2025	250.183.301.379	16.151.929,38	15.489	3
66	04/04/2025	250.498.392.823	16.169.001,85	15.493	4
67	08/04/2025	250.639.999.300	16.165.066,02	15.505	12
68	09/04/2025	250.156.453.843	16.130.616,69	15.508	3
69	10/04/2025	249.723.246.497	16.099.413,44	15.511	3
70	11/04/2025	249.480.890.764	16.080.520,75	15.514	3
71	14/04/2025	248.784.978.510	16.025.948,93	15.524	10
72	15/04/2025	248.921.749.945	16.026.656,51	15.532	8
73	16/04/2025	248.812.860.889	16.016.481,17	15.535	3
74	17/04/2025	248.748.678.625	16.009.192,26	15.538	3
75	18/04/2025	248.937.148.711	16.017.980,03	15.541	3
76	21/04/2025	249.229.960.072	16.027.056,64	15.551	10
77	22/04/2025	249.544.502.983	16.044.030,95	15.554	3
78	23/04/2025	250.663.124.788	16.112.699,68	15.557	3
79	24/04/2025	250.837.469.780	16.120.657,99	15.560	3
80	25/04/2025	250.864.308.698	16.119.135,23	15.563	3
81	28/04/2025	251.168.573.384	16.128.926,18	15.573	10
82	29/04/2025	251.526.472.841	16.149.367,36	15.575	2
83	30/04/2025	252.165.918.003	16.186.509,95	15.579	4
84	01/05/2025	252.216.081.875	16.186.509,95	15.582	3
85	05/05/2025	252.418.290.304	16.186.509,95	15.594	12
86	06/05/2025	252.938.037.322	16.216.598,78	15.597	3
87	07/05/2025	253.445.853.103	16.245.916,85	15.601	4
88	08/05/2025	253.949.028.252	16.274.931,57	15.604	3
89	09/05/2025	254.218.641.337	16.289.382,50	15.606	2
90	12/05/2025	254.376.412.214	16.290.126,41	15.615	9
91	13/05/2025	254.996.476.505	16.326.661,25	15.618	3
92	14/05/2025	255.472.795.933	16.353.980,83	15.621	3
93	15/05/2025	255.607.746.044	16.363.922,47	15.620	(1)
94	16/05/2025	255.846.749.471	16.376.046,77	15.623	3
95	19/05/2025	256.120.879.255	16.383.940,76	15.632	9
96	20/05/2025	256.389.229.051	16.397.980,59	15.635	3
97	21/05/2025	256.839.443.143	16.423.561,48	15.638	3
98	22/05/2025	257.061.397.441	16.434.541,98	15.642	4

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB****Báo cáo tài chính**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND	VND
99	23/05/2025	257.333.452.844	16.444.624,34	15.648		6
100	26/05/2025	257.393.081.816	16.438.754,97	15.658		10
101	27/05/2025	257.470.086.594	16.440.798,01	15.660		2
102	28/05/2025	257.603.190.878	16.446.090,22	15.663		3
103	29/05/2025	257.915.077.785	16.462.820,56	15.667		4
104	30/05/2025	258.257.635.448	16.481.666,19	15.669		2
105	02/06/2025	258.553.266.893	16.494.151,69	15.675		6
106	02/06/2025	258.603.367.216	16.494.151,69	15.678		3
107	03/06/2025	259.029.218.407	16.518.118,89	15.682		4
108	04/06/2025	259.703.685.241	16.557.934,05	15.685		3
109	05/06/2025	260.097.470.298	16.580.452,17	15.687		2
110	06/06/2025	260.368.695.378	16.594.551,58	15.690		3
111	09/06/2025	260.769.824.101	16.610.551,28	15.699		9
112	10/06/2025	261.142.112.240	16.631.028,21	15.702		3
113	11/06/2025	261.717.839.356	16.664.451,46	15.705		3
114	12/06/2025	262.085.708.306	16.684.837,01	15.708		3
115	13/06/2025	262.321.376.305	16.696.605,15	15.711		3
116	16/06/2025	262.846.408.631	16.720.310,67	15.720		9
117	17/06/2025	262.652.437.461	16.704.777,07	15.723		3
118	18/06/2025	262.724.738.709	16.706.181,79	15.726		3
119	19/06/2025	263.010.035.011	16.721.130,74	15.729		3
120	20/06/2025	263.470.809.395	16.747.143,71	15.732		3
121	23/06/2025	264.331.397.465	16.791.846,78	15.742		10
122	24/06/2025	264.189.225.316	16.779.483,69	15.745		3
123	25/06/2025	264.524.195.684	16.800.551,72	15.745		-
124	26/06/2025	264.720.756.582	16.809.654,34	15.748		3
125	27/06/2025	265.324.641.948	16.844.797,34	15.751		3
126	30/06/2025	265.720.398.819	16.859.944,04	15.760		9
127	01/07/2025	266.256.455.991	16.890.648,11	15.764		4
128	02/07/2025	265.635.877.186	16.848.600,05	15.766		2
129	03/07/2025	265.884.560.169	16.861.033,92	15.769		3
130	04/07/2025	266.169.307.312	16.875.753,49	15.772		3
131	07/07/2025	266.246.137.116	16.870.614,36	15.782		10
132	08/07/2025	266.663.546.960	16.893.721,65	15.785		3
133	09/07/2025	266.975.104.043	16.910.118,56	15.788		3
134	10/07/2025	266.891.983.236	16.901.514,09	15.791		3
135	11/07/2025	267.142.586.512	16.915.113,65	15.793		2
136	14/07/2025	267.453.964.420	16.925.240,40	15.802		9
137	15/07/2025	267.428.792.572	16.920.452,45	15.805		3
138	16/07/2025	267.766.780.366	16.938.643,40	15.808		3
139	17/07/2025	267.876.887.547	16.942.415,70	15.811		3
140	18/07/2025	268.173.994.280	16.957.763,76	15.814		3
141	21/07/2025	268.663.873.198	16.979.172,20	15.823		9
142	22/07/2025	268.875.909.190	16.989.384,84	15.826		3
143	23/07/2025	269.292.614.394	17.012.528,53	15.829		3

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ		
144	24/07/2025	270.189.544.140	17.066.008,48	15.832	3
145	25/07/2025	265.171.341.924	16.745.941,55	15.835	3
146	28/07/2025	265.812.308.724	16.776.817,15	15.844	9
147	29/07/2025	266.208.811.347	16.798.660,47	15.847	3
148	30/07/2025	266.695.628.107	16.826.199,75	15.850	3
149	31/07/2025	267.040.839.624	16.844.792,49	15.853	3
150	01/08/2025	266.898.442.555	16.832.644,65	15.856	3
151	04/08/2025	266.562.342.300	16.801.887,47	15.865	9
152	05/08/2025	267.378.818.842	16.850.167,79	15.868	3
153	06/08/2025	268.751.128.313	16.933.470,06	15.871	3
154	07/08/2025	268.817.785.428	16.934.490,72	15.874	3
155	08/08/2025	268.944.239.763	16.939.278,10	15.877	3
156	11/08/2025	269.251.997.497	16.949.136,26	15.886	9
157	12/08/2025	269.293.139.279	16.948.750,99	15.889	3
158	13/08/2025	269.774.944.411	16.976.034,61	15.892	3
159	14/08/2025	270.078.236.586	16.991.924,68	15.895	3
160	15/08/2025	270.636.157.818	17.023.825,44	15.897	2
161	18/08/2025	270.951.057.592	17.034.039,07	15.906	9
162	19/08/2025	271.409.165.041	17.059.957,12	15.909	3
163	20/08/2025	271.843.291.884	17.084.050,48	15.912	3
164	21/08/2025	272.103.019.016	17.097.179,94	15.915	3
165	22/08/2025	272.547.326.839	17.121.905,80	15.918	3
166	25/08/2025	272.475.480.183	17.107.819,32	15.927	9
167	26/08/2025	272.345.929.578	17.096.609,95	15.930	3
168	27/08/2025	272.755.181.719	17.119.292,59	15.933	3
169	28/08/2025	267.828.584.396	16.807.068,27	15.935	2
170	29/08/2025	268.264.480.660	16.831.407,00	15.938	3
171	01/09/2025	268.439.214.492	16.833.058,82	15.947	9
172	03/09/2025	268.538.293.938	16.833.058,82	15.953	6
173	04/09/2025	269.209.906.564	16.872.096,45	15.956	3
174	05/09/2025	269.664.216.452	16.897.507,66	15.959	3
175	08/09/2025	269.841.377.127	16.899.431,28	15.967	8
176	09/09/2025	270.763.790.903	16.954.145,16	15.970	3
177	10/09/2025	270.490.184.267	16.933.956,20	15.973	3
178	11/09/2025	270.331.804.289	16.920.990,15	15.976	3
179	12/09/2025	270.254.911.837	16.913.121,54	15.979	3
180	15/09/2025	270.740.912.838	16.934.375,90	15.988	9
181	16/09/2025	271.073.287.136	16.952.113,49	15.991	3
182	17/09/2025	271.310.089.999	16.963.871,26	15.993	2
183	18/09/2025	271.255.967.335	16.957.437,09	15.996	3
184	19/09/2025	271.820.469.737	16.989.679,03	15.999	3
185	22/09/2025	272.110.100.041	16.998.641,46	16.008	9
186	23/09/2025	272.289.060.703	17.006.775,89	16.011	3
187	24/09/2025	271.954.823.619	16.982.854,95	16.013	2

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB****Báo cáo tài chính**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/CCQ	
		VND	CCQ	VND	VND	VND	VND
188	25/09/2025	272.340.122.917	17.003.872,60	16.016		3	
189	26/09/2025	272.600.946.827	17.017.029,20	16.019		3	
190	29/09/2025	272.483.998.342	17.000.601,82	16.028		9	
191	30/09/2025	267.519.464.535	16.687.809,44	16.031		3	
192	01/10/2025	267.655.285.735	16.693.251,39	16.034		3	
193	02/10/2025	268.199.281.366	16.724.126,32	16.037		3	
194	03/10/2025	268.391.306.727	16.733.047,91	16.040		3	
195	06/10/2025	268.805.343.998	16.749.710,74	16.048		8	
196	07/10/2025	269.589.352.502	16.795.517,66	16.051		3	
197	08/10/2025	269.508.745.607	16.787.448,93	16.054		3	
198	09/10/2025	269.514.508.371	16.784.761,52	16.057		3	
199	10/10/2025	270.243.638.600	16.827.131,14	16.060		3	
200	13/10/2025	270.522.944.328	16.835.394,87	16.069		9	
201	14/10/2025	270.522.702.277	16.832.402,93	16.072		3	
202	15/10/2025	270.996.769.208	16.858.924,17	16.074		2	
203	16/10/2025	270.848.194.731	16.846.737,10	16.077		3	
204	17/10/2025	270.984.142.297	16.852.243,25	16.080		3	
205	20/10/2025	271.472.347.604	16.873.759,48	16.088		8	
206	21/10/2025	271.593.523.822	16.878.344,85	16.091		3	
207	22/10/2025	270.088.698.196	16.781.875,55	16.094		3	
208	23/10/2025	269.149.786.367	16.720.585,58	16.097		3	
209	24/10/2025	269.032.021.963	16.710.192,00	16.100		3	
210	27/10/2025	269.186.731.077	16.710.269,49	16.109		9	
211	28/10/2025	269.021.725.507	16.696.882,34	16.112		3	
212	29/10/2025	269.454.591.214	16.720.605,73	16.115		3	
213	30/10/2025	269.723.871.416	16.734.197,01	16.118		3	
214	31/10/2025	269.728.817.528	16.731.379,14	16.121		3	
215	01/11/2025	272.798.957.890	16.918.724,82	16.124		3	
216	03/11/2025	272.899.339.605	16.918.724,82	16.130		6	
217	04/11/2025	273.051.994.901	16.925.077,19	16.133		3	
218	05/11/2025	273.451.128.657	16.946.705,90	16.136		3	
219	06/11/2025	273.588.970.405	16.952.138,93	16.139		3	
220	07/11/2025	273.649.213.427	16.952.762,74	16.142		3	
221	10/11/2025	273.704.301.223	16.946.852,07	16.151		9	
222	11/11/2025	273.782.849.306	16.948.614,60	16.154		3	
223	12/11/2025	274.690.042.057	17.001.669,86	16.157		3	
224	13/11/2025	275.142.001.646	17.026.540,44	16.160		3	
225	14/11/2025	275.285.093.444	17.032.293,82	16.163		3	
226	17/11/2025	275.791.341.032	17.054.316,69	16.171		8	
227	18/11/2025	275.777.457.699	17.050.359,96	16.174		3	
228	19/11/2025	276.052.007.225	17.064.237,38	16.177		3	
229	20/11/2025	276.123.494.531	17.065.560,16	16.180		3	
230	21/11/2025	276.769.346.521	17.102.382,49	16.183		3	
231	24/11/2025	277.002.351.458	17.107.500,89	16.192		9	
232	25/11/2025	277.076.372.530	17.108.980,78	16.195		3	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB****Báo cáo tài chính**

Tầng 12, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
233	26/11/2025	279.193.648.354	17.236.553,44	16.198	3
234	27/11/2025	278.790.733.407	17.208.592,21	16.201	3
235	28/11/2025	278.884.851.126	17.211.315,56	16.204	3
236	01/12/2025	279.137.763.433	17.217.688,44	16.212	8
237	02/12/2025	279.261.434.777	17.222.229,48	16.215	3
238	03/12/2025	278.613.796.858	17.179.200,53	16.218	3
239	04/12/2025	278.740.242.066	17.183.909,47	16.221	3
240	05/12/2025	278.079.508.944	17.140.088,17	16.224	3
241	08/12/2025	278.100.740.749	17.132.135,26	16.233	9
242	09/12/2025	278.182.633.628	17.134.038,51	16.236	3
243	10/12/2025	277.661.300.288	17.098.785,83	16.239	3
244	11/12/2025	277.837.492.562	17.106.499,40	16.242	3
245	12/12/2025	277.960.600.231	17.110.938,62	16.245	3
246	15/12/2025	277.826.820.541	17.093.283,86	16.254	9
247	16/12/2025	277.736.537.941	17.084.590,91	16.257	3
248	17/12/2025	277.291.736.102	17.054.091,23	16.260	3
249	18/12/2025	277.321.386.143	17.052.776,72	16.263	3
250	19/12/2025	277.438.355.970	17.056.831,75	16.266	3
251	22/12/2025	277.636.070.667	17.059.578,27	16.274	8
252	23/12/2025	277.545.490.414	17.050.877,31	16.277	3
253	24/12/2025	277.326.234.983	17.035.135,09	16.280	3
254	25/12/2025	277.643.456.021	17.052.496,86	16.282	2
255	26/12/2025	277.959.991.273	17.067.539,34	16.286	4
256	29/12/2025	277.985.445.211	17.058.930,40	16.296	10
257	30/12/2025	277.972.823.174	17.057.278,16	16.296	-
258	31/12/2025	278.279.075.574	17.073.228,07	16.299	3
259	01/01/2026	278.167.561.081	17.068.739,34	16.297	(2)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm

261.700.961.926

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

- Mức thấp nhất trong năm

-

- Mức cao nhất trong năm

16

20 . SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	31/12/2025 CCQ	31/12/2024 CCQ
Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	17.068.739,34	16.012.246,84

21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài các thông tin đã trình bày tại phần ghi chú của Báo cáo danh mục đầu tư không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

22 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Các thành viên Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại Diện Quỹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng giám sát
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phí dịch vụ quản lý, giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	3.590.258.370	3.227.343.179
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	3.140.635.605	2.779.383.027
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	449.622.765	447.960.152
Phí ngân hàng	6.064.074	5.539.503
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	6.064.074	5.539.503
Lãi tiền gửi	338.040.720	55.257.448
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	338.040.720	55.257.448
Mua chứng chỉ tiền gửi	15.780.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	15.780.000.000	-
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	62.595.892	12.480.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	62.595.892	12.480.000
Phải trả về phí quản lý Quỹ mở	283.273.481	249.044.294
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	283.273.481	249.044.294
Phải trả về phí dịch vụ giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	37.326.807	37.341.013
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	37.326.807	37.341.013

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB****Báo cáo tài chính**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán	940.797.260	773.222.705
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	940.797.260	773.222.705
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ	217.580.158	549.909.398
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	217.580.158	549.909.398
Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	8.800.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	20.000.000.000	8.800.000.000
Thù lao của Ban Đại diện Quỹ		
	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thù lao của Ban Đại diện Quỹ	132.000.000	143.100.000

Ngoài giao dịch với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm tài chính và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Quỹ đầu tư.

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo thu nhập, Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Nguyễn Thị Minh Lê
 Người lập


Phạm Thị Thu Hương
 Phụ trách kế toán


Giang Trung Kiên
 Phó Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
 Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026